


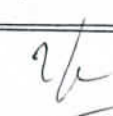
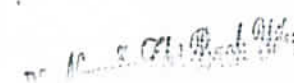


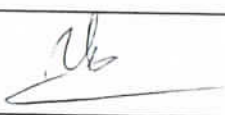
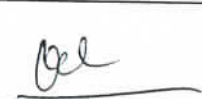



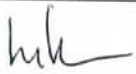


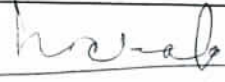
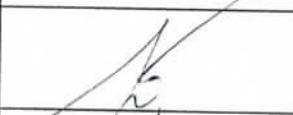




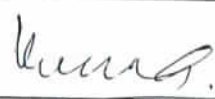



KHOA Phụ Sản








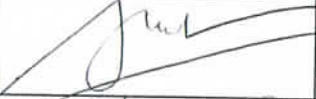


DANH SÁCH ĐĂNG KÝ CHỮ KÝ


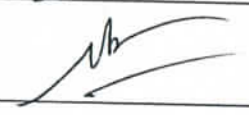
TT	HỌ VÀ TÊN - ĐƠN VỊ	SỐ CCHN	-PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN	CHỮ KÝ	HÌNH ẢNH CON DẤU
1.	Nguyễn Thị Minh Phượng	179	Sản phụ -KHHGD		BS. Nguyễn Thị Minh Phượng
2.	H ' Diana Niê	158	Sản phụ -KHHGD		BS H ' DIANA NIÊ
3.	Trần Ngọc Thắng	530	Sản phụ -KHHGD		BS. TRẦN NGỌC THẮNG
4.	Nguyễn Thị Bạch Yến	88	Sản phụ -KHHGD		
5.	H ' Lê Na Êban		Sản phụ -KHHGD		BS. H' Lê Na Êban
6.	Bùi Văn Duy Phúc	5610	Sản phụ -KHHGD		BS. Bùi Văn Duy Phúc
7.	Vũ Thị Hương	6502	Sản phụ -KHHGD		BS. Vũ Thị Hương
8.	Lưu Thị Kim Oanh		Sản phụ -KHHGD		
9.	Ngô Tấn Toàn		Sản phụ -KHHGD		BS. Ngô Tấn Toàn
10.	Trần Ngọc Thùy		Sản phụ -KHHGD		BS. Trần Ngọc Thùy

11.	Lê Ngọc Đan Châu	5670	Sản phụ -KHHGD		BS. Lê Ngọc Đan Châu
12.	Phạm Đình Như	51	Sản phụ -KHHGD		BS. PHẠM ĐÌNH NHƯ
13.	Đặng Tuyết Vũ Khánh	300	Sản phụ -KHHGD		BS. Đặng Tuyết Vũ Khánh
14.	Hồ Xuân Lạc	555	Sản phụ -KHHGD		BS Hồ Xuân Lạc
15.	Hồ Biên Cường	6440	Sản phụ -KHHGD		BS. Hồ Biên Cường
16.	Dương Thị Nguyệt Minh	2814	Sản phụ -KHHGD		BS. Dương Thị Nguyệt Minh
17.	Nguyễn Khánh Trình	6898	Sản phụ -KHHGD		BS. Nguyễn Khánh Trình
18.	Đình Viêt Quang	1048	Sản phụ -KHHGD		BS. ĐÌNH VIỆT QUANG
19.	Y Mía Knul	714	Sản phụ -KHHGD		BS Y Mía Knul
20.	Đoàn Sỹ Hoàng	6	Sản phụ -KHHGD		BS. Đoàn Sỹ Hoàng
21.	Lê Thị Ánh Nguyệt	55	Sản phụ -KHHGD		BS. Lê Thị Ánh Nguyệt
22.					

KHOA NGOẠI TR

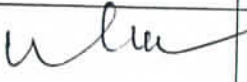




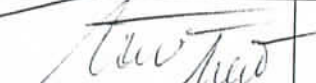
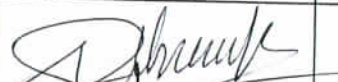



DANH SÁCH ĐĂNG KÝ CHỮ KÝ

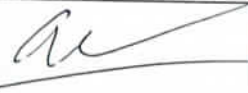
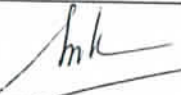
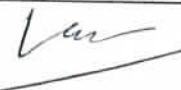

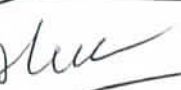



TT	HỌ VÀ TÊN - ĐƠN VỊ	SỐ CCHN	PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN	CHỮ KÝ	HÌNH ẢNH CON DẤU
1.	Lê Xuân Nguyên		KCB Ngoại Khoa		BS Lê Xuân Nguyên
2.	Lê Đức Chinh	2513	KCB Ngoại Khoa		BS. Lê Đức Chinh
3.	Nguyễn Ngọc Nam Phú		KCB Ngoại Khoa		Nguyễn Ngọc Nam Phú
4.	Tạ Vũ Đức	659	KCB Ngoại Khoa		BS Tạ Vũ Đức
5.	Nguyễn Xuân Thảo	2360	KCB Ngoại Khoa		Nguyễn Xuân Thảo
6.	Trần Đại Phước	6268	KCB Ngoại Khoa		BS. Trần Đại Phước
7.	Trần Thế Vinh	1116	KCB Ngoại Khoa		BS: Trần Thế Vinh
8.	Phùng Minh Hoàng		KCB Ngoại Khoa		BS Phùng Minh Hoàng
9.	Lê Xuân Vinh	2528	KCB Ngoại Khoa		Lê Xuân Vinh
10.	Trần Văn Khoa	2971	KCB Ngoại Khoa		BS. Trần Văn Khoa

11.	Nguyễn Thành Công	5592	KCB Ngoại Khoa		Nguyễn Thành Công
12.	Nguyễn Việt Phương	572	KCB Ngoại Khoa		BS. Nguyễn Việt Phương
13.					
14.					
15.					
16.					
17.					
18.					
19.					
20.					
21.					
22.					

KHOA Khám

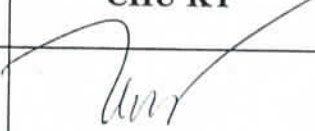
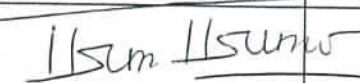






DANH SÁCH ĐĂNG KÝ CHỮ KÝ



TT	HỌ VÀ TÊN - ĐƠN VỊ	SỐ CCHN	PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN	CHỮ KÝ	HÌNH ẢNH CON DẤU
1.	Bùi Văn Khoa	194	KCB Ngoại TK		BS. Bùi Văn Khoa NTTC
2.	Phan Quang Huy	5850	KCB Ngoại khoa		BS Phan Quang Huy CTCH
3.	Đoàn Xuân Thái	286	KCB Nội khoa		BS. CKI. Đoàn Xuân Thái NĐ 1
4.	Bùi Vũ Trâm Anh	174	KCB Nội khoa		BS. CKI Bùi Vũ Trâm Anh NĐ 6
5.	Tạ Thị Thanh Nhân	302	KCBCK Da liễu		BS. CKI. Tạ Thị Thanh Nhân NĐ 7
6.	Nguyễn Thị Liễu	661	KCBCK Nhi		BS. Nguyễn Thị Liễu Nhi
7.	Lê Thị Diễm Hương	4229	KCB Nội khoa		BS. Lê Thị Diễm Hương Nhiệm
8.	Lê Văn Quang	184	KCB Ngoại khoa		BS. CKI. Lê Văn Quang Tổng quát
9.	Nguyễn Thị Bạch Yến	88	Sản phụ -KHHGD		BS. Nguyễn Thị Bạch Yến Sản
10.	Phạm Quang Huy	6482	KCB TMH		BS. Phạm Quang Huy TMH.

11.	Nguyễn Đồng Ái	722	KCB Nội khoa		ThS.BS Nguyễn Đồng Ái	Nội 5
12.	Trần Thị Như Anh	625	KCB Mắt		BS. CKI. Trần Thị Như Anh	Mắt
13.	Nguyễn Thị Trà Giang	165	KCB Nội khoa		BS. Nguyễn Thị Trà Giang	Nội 4
14.	Ra Lan Ngọc Nga	2622	KCB Nội khoa		BS. Ra Lan Ngọc Nga	Nội 3
15.	Phạm Thị Tuyết	2634	KCB Nội khoa		BS. Phạm Thị Tuyết	Nội 2
16.	Đỗ Thị Huệ	426	KCB Da Liễu		BS. CKI. Đỗ Thị Huệ	Da Liễu
17.						
18.	Bùi Quốc Hương	2897	KCB Ung Bướu		BS. Bùi Quốc Hương	Ung bướu
19.	Mai Thị Châu	103	KCB RHM		BS. Mai Thị Châu	
20.						
21.						
22.						

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ CHỮ KÝ

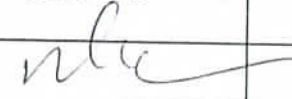




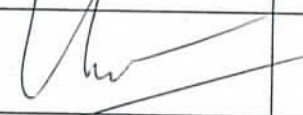

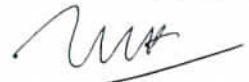
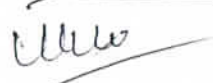



KHOA HSTC-LA

TT	HỌ VÀ TÊN - ĐƠN VỊ	SỐ CCHN	PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN	CHỮ KÝ	HÌNH ẢNH CON DẤU
1.	Trịnh Hồng Nhựt	315	KCB Nội Khoa		T.S.BS. <u>Trịnh Hồng Nhựt</u>
2.	Huỳnh Thị Đoan Dung	236	KCB Nội Khoa		BS. <u>Huỳnh Thị Đoan Dung</u>
3.	Bùi Hoàng Luân		KCB Nội Khoa		B.S.B.S. <u>Bùi Hoàng Luân</u>
4.	Hoàng Thị Thủy Tiên	2656	KCB Nội Khoa		BS. <u>Hoàng Thị Thủy Tiên</u>
5.	Đặng Quốc Cường	647	KCB Nội Khoa		BS. <u>Đặng Quốc Cường</u>
6.					
7.					
8.	Nguyễn Thị Chung	1187	KCB Nội Khoa		B.S. <u>BS. CKI. Nguyễn Thị Chung</u>
9.	Nguyễn Thị Thanh Bình		KCB Nội Khoa		Đ.B. <u>Nguyễn Thị Thanh Bình</u>
10.	Nguyễn Văn Tính		KCB Nội Khoa		B.B. <u>Nguyễn Văn Tính</u>

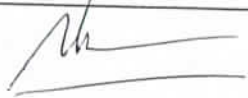

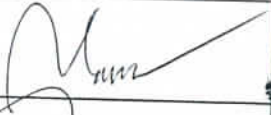



11.	Nguyễn Hùng Cường	3828	KCB Nội Khoa		BS. Nguyễn Hùng Cường
12.	Nguyễn Doãn Sơn	606	KCB Nội Khoa		ThS.BS. Nguyễn Doãn Sơn
13.					
14.					
15.					
16.					
17.					
18.					
19.					
20.					
21.					
22.					

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ CHỮ KÝ - Bác Sĩ có CCTH

KHOA CTCH




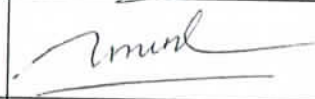



TT	HỌ VÀ TÊN - ĐƠN VỊ	SỐ CCHN	PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN	CHỮ KÝ	HÌNH ẢNH CON DẤU
1.	Võ Sỹ Trí	630	KCB Ngoại khoa		BSCKII. Võ Sỹ Trí
2.	Ngô Hữu Thức	9417	KCBCK CTCH		BS. Ngô Hữu Thức
3.	Võ Khắc Thành	683	KCBCK CTCH		
4.	Trần Hoàng Việt	2788	KCB Ngoại khoa		BS. Trần Hoàng Việt
5.	Nguyễn Kim Công	341	KCB Ngoại khoa		BS. Nguyễn Kim Công
6.	Đặng Văn Đại	268	KCB Ngoại khoa		BS. CKI. Đặng Văn Đại
7.	Nguyễn Tín Thuật	6927	KCBCK CTCH		BS. Nguyễn Tín Thuật
8.	Đặng Văn Hưng	1281	KCB PT Thẩm mỹ		
9.	Phan Quang Huy	5850	KCB Ngoại khoa		BS Phan Quang Huy
10.	Đoàn Việt Hùng	1482	KCB Ngoại khoa		BS _{CKII} Đoàn Việt Hùng

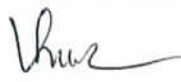



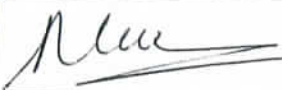

BS-CKII. Đoàn Việt Hùng

11.	Trịnh Duy Khánh	5123	KCB Ngoại khoa		Bs Trịnh Duy Khánh
12.	Vũ Đăng Thanh	6575	KCBCK CTCH		Vũ Đăng Thanh
13.	Ka Nông Y Sen	2808	KCBCK CTCH		Ka Nông Y Sen
14.	Trần Minh Mẫn	2811	KCB Ngoại khoa		Bs. Trần Minh Mẫn
15.	Đặng Ngọc Hải	1652	KCB Ngoại khoa		Bs. Đặng Ngọc Hải
16.	Ngô Đức Hoàng Thiện	6499	KCBCK CTCH		Bs Ngô Đức Hoàng Thiện
17.					
18.					
19.					
20.					
21.					
22.					

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ CHỮ KÝ

KHOA ... H.S.C.C. ... N.H.I. ... S.D. ... S.I.N.H. ...

TT	HỌ VÀ TÊN - ĐƠN VỊ	SỐ CCHN	PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN	CHỮ KÝ	HÌNH ẢNH CON DẤU
1.	Nguyễn Đức Toàn	680	KCBCK Nhi		BÁC SỸ CK I Nguyễn Đức Toàn
2.	Nguyễn Thị Hồng Vân	5660	KCBCK Nhi		BS. Nguyễn Thị Hồng Vân
3.	Văn Thị Xưa	2740	KCBCK Nhi		BS. Văn Thị Xưa
4.	Lê Trương Tuyết Minh	6487	KCBCK Nhi		BS. Lê Trương Tuyết Minh
5.					
6.					
7.					
8.	Đoàn Mộng Bảo	679	KCBCK Nhi		BS. Đoàn Mộng Bảo
9.	Nguyễn Thị Loan	4998	KCBCK Nhi		BS. Nguyễn Thị Loan
10.	Lê Thị Thu Vân	5572	KCBCK Nhi		BS. Lê Thị Thu Vân

11.	Lê Thị Minh Nguyệt	5658	KCBCK Nhi		BS. Lê Thị Minh Nguyệt
12.	Nguyễn Sĩ Toàn Phong	5907	KCBCK Nhi		BS. Nguyễn Sĩ Toàn Phong
13.	Phùng Thị Hồng Nhung	4200	KCBCK Nhi		BS. Phùng Thị Hồng Nhung
14.	Nguyễn Ngọc Hồng Nga	4251	KCBCK Nhi		BS. Nguyễn Ngọc Hồng Nga
15.	Lê Đình Nhân	583	KCBCK Nhi		ThS. BS. Lê Đình Nhân
16.	H El Êban	721	KCBCK Nhi		BS. CKII H' el Ebun
17.					
18.					
19.					
20.					
21.					
22.					